ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1189/UBND-NNTN V/v rà soát, giải trình kế hoạch phân bổ vốn đầu tư ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017	*Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 3 năm 2017*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 1943
Ngày: 08/3/17
Chuyển:

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

Theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 41/HĐND-KTNS ngày 17/02/2017 về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017; Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, giải trình như sau:

1. Tại Khoản 1 Công văn số 41/HĐND-KTNS: Thống nhất điều chỉnh cơ cấu vốn đối với một số danh mục dự án theo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh (do sai sót của Sở Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình dự thảo).

2. Tại Khoản 2 Công văn số 41/HĐND-KTNS: UBND huyện Sơn Tịnh đã có Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 22/02/2017 điều chỉnh nguồn vốn đầu tư công trình "Đường xã: BTXM tuyến đường 27/7 (đoạn còn lại)" (xã Tịnh Thọ) bằng nguồn vốn nông thôn mới của tỉnh và huyện nên giữ nguyên danh mục này.

3. Tại Khoản 3 Công văn số 41/HĐND-KTNS: Qua làm việc, UBND huyện Tây Trà thống nhất thay đổi danh mục công trình khởi công mới của các xã thuộc huyện Tây Trà (chi tiết như danh mục kèm theo).

4. Tại Khoản 3 Công văn số 41/HĐND-KTNS:

- Thống nhất bố trí vốn trả nợ quyết toán công trình KCH kênh mương nội đồng Ruộng Côn - Ba Suối (xã Long Sơn) là 944 triệu đồng (theo đúng cơ cấu vốn TW và vốn tỉnh đầu tư 100%).

- Thống nhất điều chỉnh phần vốn ngân sách trung ương bố trí kế hoạch năm 2017 cho danh mục công trình Trạm biến áp thôn Xà Tôn (xã Long Sơn) từ 468 triệu đồng thành 253 triệu đồng (theo đúng phần vốn ngân sách Trung ương và vốn tỉnh còn thiếu so với tổng mức đầu tư được UBND huyện Minh Long phê duyệt).

5. Ngoài ra, theo báo cáo giải trình của một số địa phương, để phù hợp với thực tế trong kế hoạch phân bổ vốn ngân sách Trung ương năm 2017, UBND tỉnh báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND sửa đổi, bổ sung một số danh mục công trình như sau:

- Công trình: Đường thôn: BTXM Tuyến QL24B - Nghĩa địa Sỏi Nhị (xã Tịnh Long), theo báo cáo của Chủ tịch UBND xã Tịnh Long tuyến này trùng với quy hoạch đường vành đai của thành phố nên không thực hiện được

và xóa khỏi danh mục kế hoạch đầu tư 2017 và không thể bố trí cho danh mục công trình khác, do các danh mục công trình xây dựng nông thôn mới còn lại của xã Tịnh Long đều nằm trong quy hoạch đô thị và quy hoạch các dự án khác.

- Công trình Đường thôn: Tuyến Gò Ráp - Điểm trường Tiểu Học Thanh An thay đổi bằng danh mục công trình Đường xã: Tuyến GTNT Đồng Rinh (do Tuyến Gò Ráp - Điểm trường Tiểu Học Thanh An vướng giải phóng mặt bằng nên chưa thực hiện được).

- Công trình: Tuyến ngã tư nhà ông Một - ngã 3 nhà ông Phụ (xã Bình An), thay đổi thành danh mục công trình Tuyến Trường cấp II - Đá Tượng, thôn An Khương (Giai đoạn 2) (công trình này năm 2016 đã thực hiện được một đoạn, năm 2017 đầu tư giai đoạn 2) (do tên danh mục Tuyến ngã tư nhà ông Một - ngã 3 nhà ông Phụ không chuẩn xác).

- Bổ sung 01 danh mục cho xã Nghĩa Điền là: Đường thôn: Tuyến Phạm Duy Nguyên - Cầu tréo; vì xã Nghĩa Điền (huyện Tư Nghĩa) là xã trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 của tỉnh, trong kế hoạch danh mục công trình năm 2017 của xã còn 2 công trình đường thôn chưa được bố trí đầu tư thì chưa đủ đạt tiêu chí giao thông và chưa thể chuẩn nông thôn mới năm 2017; do vậy xã đề nghị bố trí bổ sung cho xã 01 danh mục, còn lại 01 danh mục huyện Tư nghĩa bố trí đầu tư.

- Sửa tên công trình Đường xã: BTXM tuyến đường huyện đi xã Bình Hòa (GĐ1) thành giai đoạn 2 (vì năm 2016 đã thực hiện được 1 đoạn); tăng thêm tổng mức đầu tư (không tăng kế hoạch vốn năm 2017) công trình: Đường xã: BTXM tuyến đường huyện đi xã Bình Hòa (Giai đoạn 2), Đường xã: BTXM tuyến Kinh tế mới Đức Minh (xã Đức Minh) cho phù hợp thực tế và khả thi.

- Thay đổi, bổ sung một số danh mục công trình theo đề nghị hợp lý của UBND huyện Ba Tơ (ở các xã: Ba Động, Ba Chùa, Ba Giang, Ba Bích, Ba Trang, Ba Vì, Ba Xa, Ba Cung, Ba Tô, Ba Điền, Ba Nam, Ba Lế).

Từ những sửa đổi, bổ sung nêu trên dẫn đến có sự điều chỉnh tăng, giảm mức vốn bố trí kế hoạch năm 2017 của một số danh mục công trình để đảm bảo tổng kế hoạch vốn NSTW năm 2017 bằng 138 tỷ đồng (chi tiết như Kế hoạch phân bổ kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh xem xét có ý kiến chấp thuận ./.

Nơi nhận:
-Như trên;
-CT, PCT Thường trực UBND tỉnh;
-Sở Kế hoạch và Đầu tư;
-VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNndt112.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh

KẾ HOẠCH PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2017

CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương

(Kèm theo Công văn số [illegible]/UBND-NNTN ngày 08 / 3/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	Trong đó: Tổng vốn NSTW và TPCP	Trong đó: Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác	KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
	TỔNG SỐ			**307.522**	**225.483**	**82.039**	**30.356**	**138.000**	
I	**TP.QUẢNG NGÃI**								
1	**Tịnh Kỳ**			**4.000**	**2.800**	**1.200**	**-**	**1.100**	BNVB, đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa, sân thể thao xã Tịnh Kỳ		4.000	2.800	1.200		1.100	
2	**Tịnh Hòa**			**1.500**	**1.200**	**300**	**-**	**800**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh bờ cây Thị - Cống Một Tuất	924m	1.500	1.200	300		800	
3	**Tịnh Thiện**			**1.090**	**755**	**335**	**-**	**755**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ Quốc lộ 24B- Kênh B8-17 Tịnh Long	260m	390	195	195		195	
		KCH Kênh B10- VC9- Gò Đùi	460m	700	560	140		560	
4	**Tịnh Ấn Tây**			**4.523**	**3.618**	**905**	**284**	**1.534**	Đạt chuẩn 2017
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		KCH kênh B8-Rộc Hộ, Độc lập	353m	523	418	105	284	134	
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà đa năng trường THCS Tịnh Ấn Tây		4.000	3.200	800		1.400	
5	**Tịnh Ấn Đông**			**1.400**	**900**	**499**	**284**	**616**	Đạt chuẩn 2019
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.xã: BTXM tuyến từ Quỹ Tín Dụng - Tịnh An	528m	1.000	700	300	284	416	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Ngõ Điền - ngõ bà Tịnh, thôn Hạnh Phúc	263m	400	200	199		200	
6	**Tịnh An**			**1.150**	**745**	**405**	**283**	**462**	Đạt chuẩn 2017

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.xã: Tuyến nhà ông Trần Quốc Hưng - giáp đường BTXM xóm Bàu Tịnh Châu, thôn Tân Mỹ	510m	850	595	255	283	312	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ QL24B - giáp đường Mỹ Trà - Mỹ Khê	200m	300	150	150		150	
7	**Tịnh Long**			**420**	**336**	**84**	**283**	**53**	Đạt chuẩn 2017
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		KCH kênh Ngõ Thống - kênh Giữa, An Đạo	420m	420	336	84	283	53	
8	**Nghĩa Hà**			**1.610**	**865**	**745**	**283**	**582**	Đạt chuẩn 2020
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.thôn: BTXM tuyến từ ngã 3 Khánh Lạc Tây đi Cầu Bến Nguyên	320m	600	360	240	283	77	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Lê Văn Xề - đường Cống bi - kè Hòa Hà	370m	560	280	280		280	
		Đ.thôn: Tuyến Phạm Ngọc Long - Đồng Sau (Kim Thạch)	300m	450	225	225		225	
9	**Nghĩa Phú**			**580**	**348**	**232**	**284**	**64**	Đạt chuẩn 2017
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Nhà văn hóa thôn Cổ Lũy Làng cá	132m2	580	348	232	284	64	
10	**Nghĩa An**			**2.250**	**1.125**	**1.125**	**-**	**1.125**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến phía tây Thôn Tân Thạnh	1500m	2.250	1.125	1.125		1.125	
11	**Tịnh Châu**			**6.700**	**4.690**	**2.010**	**4.140**	**550**	Đạt chuẩn 2015
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Xây dựng nhà văn hóa xã + san nền		2.800	1.960	840	1.900	60	
		Xây dựng trường mầm non xã		3.900	2.730	1.170	2.240	490	
12	**Tịnh Khê**			**400**	**320**	**80**	**-**	**320**	Đạt chuẩn 2015
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh từ ruộng ông Chim đến đập Hòa Khê, Khê Thanh	200m	400	320	80		320	
II	**H. BÌNH SƠN**								
1	**Bình Hải**			**1.600**	**1.120**	**480**	**-**	**600**	BNVB

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Trường Lộc Tự đi xã Bình Hải (GĐ1)	800 m	1.600	1.120	480		600	
2	**Bình Châu**			**1.500**	**1.200**	**300**	**-**	**600**	BNVB
		* *Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh từ cầu trước Bà Biên - cầu Cát Tự	1.000 m	1.500	1.200	300		600	
3	**Bình Trị**			**2.200**	**1.400**	**800**	**-**	**1.200**	BNVB, đạt chuẩn 2017
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Nguyễn Thành - ngã ba đường đi Lệ Thủy	800 m	1.200	600	600		600	
		KCH kênh ngõ Hiếu đi xóm cầu Hòa Tây	1.000 m	1.000	800	200		600	
4	**Bình Thạnh**			**2.470**	**1.235**	**1.235**	**-**	**800**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ Tây An đến phước An 2	550 m	800	400	400		400	
		Đ.thôn: Tuyến Phước An 1 đến Tây Thành	1.500 m	1.670	835	835		400	
5	**Bình Đông**			**1.900**	**1.010**	**890**	**-**	**760**	BNVB, đạt chuẩn 2020
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ UBND xã cũ đến cơ quan thôn Sơn Trà	1.000 m	1.300	650	650		400	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Thượng Hòa		600	360	240		360	
6	**Bình Chánh**			**1.900**	**950**	**950**	**-**	**600**	BNVB
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ nhà Hồ Ngọc Nhân - Cầu Bờ Tràn	1300m	1.900	950	950		600	
7	**Bình Trung**			**2.990**	**2.093**	**897**	**1.945**	**148**	Đạt chuẩn 2016 (KH 2015)
		* *Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Trường TH số 2 Bình Trung	6 phòng	2.990	2.093	897	1.945	148	
8	**Bình Chương**			**1.020**	**714**	**306**	**-**	**714**	Đạt chuẩn 2020
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Sân vận động (Ngọc Trì) đi Hóc Khế	600m	1.020	714	306		714	
9	**Bình Thanh Đông**			**1.000**	**700**	**300**	**-**	**400**	
		* *Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến đường huyện đi xã Bình Hòa (GĐ2)	600m	1.000	700	300		400	
10	**Bình Thanh Tây**			**900**	**720**	**180**	**-**	**720**	Đạt chuẩn 2019

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Công trình khởi công mới*							
		Bê tông kênh KB12-6 Nhánh rẽ - đồng Giữa	600m	900	720	180		720	
11	**Bình An**			**1.600**	**800**	**800**	**-**	**400**	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Trường cấp II - Đá Tượng, An Khương (GĐ2)	1290m	1.600	800	800		400	
12	**Bình Hiệp**			**600**	**360**	**240**	**-**	**360**	
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Xuân Yên		600	360	240		360	
13	**Bình Hòa**			**1.200**	**840**	**360**	**-**	**400**	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Truông Cát - Bình Thanh Đông (GĐ1)	600 m	1.200	840	360		400	
14	**Bình Khương**			**1.700**	**1.190**	**510**	**-**	**800**	Đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến ngã 3 Châu Thuận - giáp Bình Nguyên	1.137 m	1.700	1.190	510		800	
15	**Bình Long**			**2.250**	**1.320**	**930**	**-**	**1.020**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến cống Ông Thu - nhà quán Tám Kiều	1050 m	1.600	800	800		500	
		KCH kênh từ B 32 - Tranh Làng	450 m	650	520	130		520	
16	**Bình Minh**			**8.700**	**6.020**	**2.680**	**-**	**3.670**	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến nhà Ông Dưỡng đi dốc Bình Khương	1500m	2.500	1.750	750		700	
		Đ.thôn: BTXM tuyến từ TBA BM2 đến nhà ông Trương	1500 m	1.500	750	750		750	
		KCH kênh từ nhà ông Nguyễn Dân đến Kênh TN B35A	1000m	1.500	1.200	300		700	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Lộc Thanh		600	360	240		360	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tân Phước		600	360	240		360	
		Phòng chức năng trường tiểu học số 1 Bình Minh	4 phòng	2.000	1.600	400		800	
17	**Bình Mỹ**			**2.100**	**1.680**	**420**	**-**	**1.000**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh từ cuối kênh bê tông - đồng Đám Chứa	1.400 m	2.100	1.680	420		1.000	
18	**Bình Nguyên**			**6.810**	**4.952**	**1.858**	**-**	**3.604**	Đạt chuẩn 2017

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến ngã 3 trường mẫu giáo - nối tuyến Nguyên Khương	800 m	1.120	784	336		300	
		Đ.thôn: Tuyến từ nhà bà Dung- nhà Lê Trung, Phước Bình	632 m	880	440	440		440	
		KCH Kênh từ Bà Hản - Bờ Vùng	450 m	580	464	116		464	
		KCH Kênh Đạt ông Văn - Thứ 4	579 m	700	560	140		560	
		KCH Kênh B3-15-1-B (Rộc Cứu - Rộc Gấm)	800 m	1.040	832	208		400	
		KCH Kênh trạm bơm Núi Vạc	660 m	850	680	170		680	
		KCH Kênh Trì Trì - Gò Mè- Gò Đến	800 m	1.040	832	208		400	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Nam Bình 1		600	360	240		360	
19	**Bình Phú**			**1.900**	**1.010**	**890**	**-**	**1.010**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến ông Huỳnh Phượng, An Thạnh II - ngỏ Võ Thị Tân, An Thạnh I	1000m	1.300	650	650		650	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Phú Nhiêu I		600	360	240		360	
20	**Bình Phước**			**1.220**	**854**	**366**	**-**	**854**	Đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM Nhà ông Đãi - nhà ông Hạp	1.122 m	1.220	854	366		854	
21	**Bình Tân**			**2.200**	**1.100**	**1.100**	**-**	**600**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến xóm Nhất - xóm Nhì	1.500 m	2.200	1.100	1.100		600	
22	**Bình Thuận**			**700**	**350**	**350**	**-**	**350**	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ nhà ông Thơ đến trường Tiểu học	500 m	700	350	350		350	
23	**Bình Thới**			**1.400**	**700**	**700**	**-**	**400**	Đạt chuẩn 2016 (KH 2015)
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Trịnh Quang Đạo - Trịnh Thị Liên (An Châu)	900 m	1.400	700	700		400	
24	**Bình Dương**			**700**	**350**	**350**	**-**	**350**	Đạt chuẩn 2014
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Trương Thị Thảo - Ngõ Ký - Ngõ Hộ	550 m	700	350	350		350	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
III	**H. SƠN TỊNH**								
1	**Tịnh Giang**			**8.430**	**5.901**	**2.529**	**4.440**	**1.461**	Đạt chuẩn 2016
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Trường Mầm non xã Tịnh Giang		4.450	3.115	1.335	2.500	615	
		Nhà văn hóa xã Tịnh Giang + tường rào cổng ngõ		3.980	2.786	1.194	1.940	846	
2	**Tịnh Bắc**			**6.710**	**4.762**	**1.948**	**-**	**2.962**	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Ông Phát - Anh Thân	800m	1.120	560	560		560	
		Đ.thôn: Tuyến Xà Ao - Đồng Đế	300m	450	225	225		225	
		Đ.thôn: Tuyến Bà Diện - Bảy Nuông - Ông Chức	300m	450	225	225		225	
		KCH kênh suối Minh Lộc - Đồng Đập (Nhánh 1)	540m	650	520	130		520	
		KCH kênh Bm1 - Cù Võ	450m	540	432	108		432	
		Nhà hiệu bộ, phòng chức năng Trường THCS Tịnh Bắc	8 phòng	3.500	2.800	700		1.000	
3	**Tịnh Đông**			**1.200**	**840**	**360**	**-**	**840**	Đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến từ đường nhựa đi Trà Tân - nhà ông Toàn	700m	1.200	840	360		840	
4	**Tịnh Minh**			**1.360**	**1.038**	**322**	**-**	**1.038**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Cầu UBND xã - nhà Ông Nguyễn Hưng	280m	500	350	150		350	
		KCH kênh Ruộng Đỗ Thị Điền - Rộc Cái	720m	860	688	172		688	
5	**Tịnh Hiệp**			**900**	**630**	**270**	**-**	**630**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Ngõ ông Bình đi nhà ông Nhân xóm Gò	500m	900	630	270		630	
6	**Tịnh Bình**			**1.080**	**756**	**324**	**-**	**600**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Ngõ Hiệp - Ngõ Huân	600m	1.080	756	324		600	
7	**Tịnh Thọ**			**1.700**	**1.190**	**510**	**-**	**600**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến đường 27/7 (đoạn còn lại)	960m	1.700	1.190	510		600	
8	**Tịnh Phong**			**1.200**	**840**	**360**	**-**	**600**	Đạt chuẩn 2020

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Trường Thọ - Thuận Yên	660m	1.200	840	360		600	
9	Tịnh Hà			1.000	800	200	-	800	Đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH Kênh B6-5 (Hà Thọ Xuân) nối dài	500m	1.000	800	200		800	
10	Tịnh Sơn			1.750	1.165	585	-	1.060	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến Trường TH An Thọ-Ngõ ông Phi (đoạn còn lại)	640m	1.150	805	345		700	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Tây		600	360	240		360	
11	Tịnh Trà			2.060	1.030	1.030	-	1.030	Đạt chuẩn 2017, đủ TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ. thôn: BTXM tuyến Dốc Ty - Ngõ Mẫn (GĐ2)	820m	900	450	450		450	
		Đ.thôn: Tuyến ngõ Vinh - ngõ Ư (Trà Bình) (GĐ2)	540m	600	300	300		300	
		Đ.thôn: Tuyến Xóm mới - Bình Trung (Trà Bình) (GĐ2)	400m	560	280	280		280	
IV	H. TƯ NGHĨA								
1	Nghĩa Thọ			4.000	2.800	1.200	-	800	xã 135, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa, sân thể thao xã Nghĩa Thọ		4.000	2.800	1.200		800	
2	Nghĩa Thương			3.043	2.029	1.014	634	1.395	Đạt chuẩn 2016
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.thôn: Từ Ngõ Trần Khiêm đến Ngõ Đào Ngọc Ánh, đội 11	950m	1.531	919	612	232	687	
		Đ.thôn: Đường từ chợ Ngõ đến đường bê tông ra Đình	334m	500	300	200	78	222	
		KCH Kênh N8 - 5KD2	980m	1.012	810	202	324	486	
3	Nghĩa Kỳ			6.150	4.560	1.590	-	3.284	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh NVC-18A	1252m	2.190	1.752	438		800	
		KCH kênh N4-3	1121m	1.280	1.024	256		700	
		KCH kênh N2-8-7	539m	880	704	176		704	
		Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn An Bình		600	360	240		360	
		Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn An Hội Bắc 2		600	360	240		360	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn An Hội Bắc 3		600	360	240		360	
4	**Nghĩa Phương**								Đạt chuẩn 2016
5	**Nghĩa Sơn**			**2.717**	**1.823**	**894**	**765**	**1.058**	Đạt chuẩn 2016
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Kênh đập Đồng Quang	733 m	967	773	194	397	376	
		Đ.thôn: BTXM tuyến nhà ông Thôi - nhà ông Nga	630m	1.750	1.050	700	368	682	
6	**Nghĩa Thắng**			**1.120**	**784**	**336**	-	**784**	Đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Ngõ Hồ Ân - Thổ Vườn	750m	1.120	784	336		784	
7	**Nghĩa Thuận**			**6.860**	**5.042**	**1.818**	**396**	**2.786**	Đạt chuẩn 2017
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		Đ.xã: Tuyến La Hà Nghĩa Thuận đi Ngõ Cài	955m	1.260	882	378	396	486	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến 623B (Ngõ Mười Sau) - Gò Cầm	970m	1.900	1.330	570		800	
		Đ.xã: BTXM tuyến Ngõ Tám Đầy – Ngõ Hai Ní	650m	1.300	910	390		700	
		Kênh Nbm2 - KD	1030m	2.400	1.920	480		800	
8	**Nghĩa Trung**			**2.883**	**2.117**	**766**	**396**	**1.191**	Đạt chuẩn 2018
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		Tuyến kênh nhà Ông Sự - Ông Thống - Trường mẫu giáo	1100 m	983	787	196	396	391	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến nhà Ô Vinh - ngõ Trầm (X12)	944m	1.900	1.330	570		800	
9	**Nghĩa Hiệp**			**2.700**	**1.890**	**810**	**396**	**1.074**	Đạt chuẩn 2018
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		Đường BTXM Ngõ Toản - Gò Ông Vũ	528 m	1.100	770	330	396	374	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Chợ Hải Châu - Thôn Hải Môn (GĐ2)	876,5m	1.600	1.120	480		700	
10	**Nghĩa Mỹ**			**2.213**	**1.675**	**538**	**396**	**1.071**	Đạt chuẩn 2018
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		Đ.xã: Tuyến THCS Nghĩa Mỹ - Ngõ ông Phạm Nhân	520 m	953	667	286	396	271	
		** Công trình khởi công mới*							

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		KCH kênh N16-3-7	900m	1.260	1.008	252		800	
11	Nghĩa Điền			7.789	5.105	2.684	396	2.611	Đạt chuẩn 2017
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		Tuyến nhà Bà Huấn đi Ngõ Hai Đốc	749m	914	640	274	396	244	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Nhà Lê Giỏi đi Nghĩa trang nhân dân xã	1578m	2.736	1.915	821		900	
		Đ.thôn: Tuyến Phạm Duy Nguyên - Cầu tréo	2079m	2.539	1.270	1.270		767	
		KCH Kênh N8-2 (GĐ1)	1000m	1.600	1.280	320		700	
12	Nghĩa Lâm			2.965	1.186	1.779	634	552	Đạt chuẩn 2015
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		Khu thể thao xã Nghĩa Lâm		2.965	1.186	1.779	634	552	
13	Nghĩa Hòa								Đạt chuẩn 2015
V	H.NGHĨA HÀNH								
1	Hành Nhân								Đạt chuẩn 2016
2	Hành Thiện								Đạt chuẩn 2016
3	Hành Trung								Đạt chuẩn 2016
4	Hành Đức								Đạt chuẩn 2016
5	Hành Dũng			5.630	3.416	2.214	-	3.016	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Ngõ Thế Linh - Bùi Tấn Đảm	800m	1.280	896	384		896	
		Đ.thôn: Tuyến Bùi Tấn Chất - Gò Cây Kén, thôn An Phước	1600m	2.400	1.200	1.200		800	
		KCH kênh Kim Thành	500m	750	600	150		600	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn Trung Mỹ		600	360	240		360	
		Nhà văn hóa, sân thể thao thôn An Phước		600	360	240		360	
6	Hành Phước								Đạt chuẩn 2016
7	Hành Tín Đông								Đạt chuẩn 2016
8	Hành Tín Tây			4.800	3.600	1.200	-	3.120	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh Đập Thang – Đuôi Cây ổi	900m	1.350	1.080	270		600	
		KCH kênh Đập Làng Ngà – giáp mương Trung Ếch	600m	900	720	180		720	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		KCH kênh Trại ông Mai – rẫy ông Điểm	300m	450	360	90		360	
		KCH kênh Nguyễn Tấn Nam - Nguyễn Hoàng Sinh	600m	900	720	180		720	
		Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Tân Phú 2		600	360	240		360	
		Nhà Văn hóa, sân thể thao thôn Long Bình		600	360	240		360	
9	**Hành Thuận**			**4.437**	**2.375**	**2.062**	**1.989**	**386**	Đạt chuẩn 2015
		** Trả nợ công trình hoàn thành:*							
		KCHKM tuyến kênh N8-3b	1000m	1.500	1.200	300	989	211	
		Chợ Hành Thuận		2.937	1.175	1.762	1.000	175	
10	**Hành Thịnh**								Đạt chuẩn 2015
11	**Hành Minh**								Đạt chuẩn 2015
VI	**H. MỘ ĐỨC**								
1	**Đức Minh**			**2.500**	**1.750**	**750**	**-**	**800**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Kinh tế mới Đức Minh	1400m	2.500	1.750	750		800	
2	**Đức Lợi**			**2.040**	**1.260**	**780**	**-**	**820**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Trần Thị Bé - Hố Rác	1000m	1.200	840	360		400	
		Đ.thôn: Tuyến Võ Dân - Trần Tấn Đức	700m	840	420	420		420	
3	**Đức Thắng**			**800**	**560**	**240**	**-**	**560**	BNVB, đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Nghĩa trang liệt sĩ - sân vận động	400m	800	560	240		560	
4	**Đức Chánh**			**1.800**	**1.260**	**540**	**-**	**800**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Cống Trắng - Thôn 4 (GĐ2)	1000m	1.800	1.260	540		800	
5	**Đức Phong**			**1.230**	**654**	**576**	**-**	**654**	BNVB, đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Lê Văn Việt - Nhà ông Truyền	1100m	1.100	550	550		550	
		KCH kênh S22C-nối dài	100m	130	104	26		104	
6	**Đức Thạnh**			**4.000**	**2.942**	**1.058**	**-**	**2.702**	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		Đ.xã: BTXM Tuyến Xóm Trụ - Đức Minh (GĐ2)	600m	1.200	840	360		600	
		Đ.thôn: Tuyến Ông Hợi - Bà Đồng	460m	460	230	230		230	
		KCH kênh S18-1-Bầu Gội (GĐ2)	422m	590	472	118		472	
		KCH Kênh S22B-9C - Sông Tiêu	650m	910	728	182		728	
		Kênh S22B-9B - Nha Dương	600m	840	672	168		672	
7	**Đức Hòa**			**4.940**	**3.752**	**1.188**	-	**2.200**	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Phước An - Phước Luông	1000m	2.000	1.400	600		800	
		KCH kênh S22Bis18	1050m	1.470	1.176	294		700	
		KCH kênh Châu Me Gò	1050m	1.470	1.176	294		700	
8	**Đức Lân**			**1.300**	**910**	**390**	-	600	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến QL1A (ngõ Dương Cảnh) - Miễu Gò Đá	670m	1.300	910	390		600	
9	**Đức Hiệp**			**1.660**	**1.218**	**442**	-	**1.048**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Trạm Bơm HTXNN - Bến Thóc	550m	1.100	770	330		600	
		KCH Tuyến Kênh từ ngõ Huỳnh - Bùi Dục	400m	560	448	112		448	
10	**Đức Phú**			**2.360**	**1.492**	**868**	-	**1.160**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Tỉnh lộ 24c đi Vườn Vong	350m	350	175	175		175	
		Đ.thôn: Tuyến Bà Tường - Nguyễn Hùng Thiên	450m	450	225	225		225	
		Đ.thôn: Tuyến Trần Đình Ba - Lê Thị Hiếu (KDC14)	516m	520	260	260		260	
		KCH kênh Đồng Ao - Võ vi	800m	1.040	832	208		500	
11	**Đức Tân**								Đạt chuẩn 2015
12	**Đức Nhuận**								Đạt chuẩn 2015
VII	**H. ĐỨC PHỔ**								
1	**Phổ An**			**6.800**	**5.040**	**1.760**	-	**2.600**	BNVB, đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa, sân thể thao xã Phổ An		4.000	2.800	1.200		1.000	
		KCH kênh Gò Voi - Gò Tấn	1000m	1.400	1.120	280		800	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		KCH kênh N10 - Gò Kiến	1000km	1.400	1.120	280		800	
2	**Phổ Châu**			**2.330**	**1.631**	**699**	**-**	**800**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến QL1A- Hồ Cây Sanh, thôn Tấn Lộc	1665m	2.330	1.631	699		800	
3	**Phổ Quang**			**2.600**	**1.820**	**780**	**-**	**1.100**	BNVB, đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Du Quang - Bàn An	700m	1.400	980	420		600	
		Đ.xã: BTXM tuyến từ trạm biến áp số 3 đi bãi biển	600m	1.200	840	360		500	
4	**Phổ Thạnh**			**2.200**	**1.400**	**800**	**-**	**850**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến từ Hải Sản - Kè chắn sóng Thạch By 1	1000m	1.500	1.050	450		500	
		Đ.thôn: Tuyến ngõ ông Tấn - ngõ ông Hoàng, thôn Đồng Vân	700m	700	350	350		350	
5	**Phổ Ninh**			**7.700**	**4.600**	**3.100**	**-**	**3.490**	Đạt chuẩn 2017
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến nhà ông Phạm Vũ (đội 6), thôn Vĩnh Bình - giáp đường bê-tông (đội 4), thôn An Trường	1089m	1.500	750	750		750	
		Đ.thôn: Tuyến xóm Hòa Ninh - kênh An Nhơn, thôn An Ninh	800m	1.300	650	650		650	
		Đ.thôn: Tuyến nhà ông Để - Nhà ông Cẩm, thôn Thanh Lâm	437m	800	400	400		400	
		Đ.thôn: Tuyến nhà ông Nguyễn Văn Triều - đồng Bà Chủ, thôn Lộ Bàn	300m	500	250	250		250	
		Đ.thôn: Tuyến Trường THCS Phổ Ninh - Chợ chiều - nhà ông Thanh - QL1A, thôn Vĩnh Bình	350m	700	350	350		350	
		KCH kênh nhà Trần Bá Ngọc - đầm dỡ đội 7, thôn Vĩnh Bình	1517m	2.300	1.840	460		730	
		Nhà Văn hoá, sân thể thao thôn An Trường		600	360	240		360	
6	**Phổ Hòa**			**2.066**	**1.446**	**620**	**634**	**812**	Đạt chuẩn 2016
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.xã: Tuyến đường GTNT bằng BTXM từ dốc xe lửa đi nhà ông Lượng (GĐ2)	948m	2.066	1.446	620	634	812	
7	**Phổ Minh**			**1.360**	**952**	**408**	**-**	**600**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		Đ.xã: BTXM tuyến Phổ Minh - Bến Bè	970m	1.360	952	408		600	
8	**Phổ Khánh**			**1.976**	**1.371**	**605**	**397**	**674**	Đạt chuẩn 2020
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Tuyến đường từ nhà ông Lãnh đến cầu suối 8B	585m	976	671	305	397	274	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến QL1A - Phước Điền	620m	1.000	700	300		400	
9	**Phổ Cường**			**2.085**	**1.460**	**625**	**396**	**694**	Đạt chuẩn 2019
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		BT tuyến đường Chùa Vĩnh Long (Nga Mân)- nhà bà Dợt (Xuân Thành) GĐ1	480m	985	690	295	396	294	
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Chùa Vĩnh Long (Nga Mân) - nhà bà Dợt (Xuân Thành) (GĐ2)	500m	1.100	770	330		400	
10	**Phổ Nhơn**			**1.400**	**980**	**420**	**-**	**600**	Đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Trường sinh An Điền đi Phổ Ninh	1000m	1.400	980	420		600	
11	**Phổ Phong**			**2.049**	**1.435**	**614**	**679**	**755**	Đạt chuẩn 2020
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Bê tông tuyến đường Chợ mới đi Vĩnh Xuân Nam (GĐ 1)	530m	981	687	294	396	291	
		Đ.xã: BTXM tuyến Chợ mới - Vĩnh Xuân Nam (GĐ2)		1.068	748	320	283	464	
12	**Phổ Thuận**			**2.741**	**1.859**	**882**	**680**	**1.179**	Đạt chuẩn 2018
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		BT tuyến đường từ ngõ ông Trung đi giáp đường Trà Câu Phổ Phong (thôn Mỹ Thuận và Kim Giao) GĐ 1	508m	1.073	751	322	396	355	
		Đxã: BTXM tuyến từ máy chà ông May đi giáp đường Vùng 5 - An Định (GĐ1)	457m	1.068	748	320	284	464	
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hoá, sân thể thao thôn Mỹ Thuận		600	360	240		360	
13	**Phổ Văn**			**2.000**	**1.400**	**600**	**-**	**1.100**	Đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		Đ.xã: BTXM tuyến QL1A - Đồng Bến Nứa - Giáp đường Bê tông thôn Văn Trường (GĐ3)	1200m	2.000	1.400	600		1.100	
14	Phổ Vinh			**2.257**	**1.580**	**677**	**1.500**	**80**	Đạt chuẩn 2015
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đường GTNT bằng BTXM tuyến từ quán ông My - biển Khánh Bắc	988m	2.257	1.580	677	1.500	80	
VIII	H. BA TƠ								
1	Ba Động			**750**	**675**	**75**	**-**	**675**	xã 30a, 135, ATK, đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Tường rào, cổng ngõ nhà văn hóa xã Ba Động		300	270	30		270	
		Sửa chữa, tường rào Nhà văn hóa thôn Bắc Lân		200	180	20		180	
		Sửa chữa, tường rào Nhà văn hóa thôn Tân Long Hạ		250	225	25		225	
2	Ba Chùa			**700**	**630**	**70**	**-**	**630**	xã 30a, 135, ATK
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh từ ruộng ông Inh đến ruộng ông Thuốc	420m	700	630	70		630	
3	Ba Vinh			**1.400**	**1.260**	**140**	**-**	**790**	xã 30a, 135, ATK <5TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Nước Om		700	630	70		400	
		Nhà văn hóa thôn Nước Lui		700	630	70		390	
4	Ba Giang			**1.050**	**945**	**105**	**-**	**790**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến từ UBND xã đi Gò Lút (nối tiếp)	700m	1.050	945	105		790	
5	Ba Thành			**1.150**	**920**	**230**	**-**	**580**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến ông Biết - ông Vỹ	800 m	1.150	920	230		580	
6	Ba Khâm			**1.300**	**1.100**	**200**	**-**	**790**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Đồng Răm – Hố Sâu (GĐ1)	760m	700	560	140		250	
		Kênh đập Ta Lát (GĐ2)		600	540	60		540	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
7	**Ba Bích**			**1.450**	**1.305**	**145**	-	**800**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh đồng Con Rã		750	675	75		170	
		Nhà văn hóa thôn Đồng Tiên		700	630	70		630	
8	**Ba Trang**			**1.500**	**1.200**	**300**	-	**790**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đường thôn Cây Muối	1000m	1.500	1.200	300		790	
9	**Ba Vì**			**1.100**	**990**	**110**	-	**790**	xã 30a, 135, < 5TC
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH kênh Ka-Doát		400	360	40		360	
		Nhà văn hóa thôn Nước Y Vang		700	630	70		430	
10	**Ba Xa**			**950**	**780**	**170**	-	**780**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến thôn Nước Nhu - Ba Ha - Nước Chạch	300m	750	600	150		600	
		Nâng cấp nhà văn hóa Thôn Nước Như		200	180	20		180	
11	**Ba Cung**			**900**	**720**	**180**	-	**720**	xã 30a, 135, đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ GòRét - Ma Nghít	670 m	900	720	180		720	
12	**Ba Tô**			**850**	**765**	**85**	-	**580**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Tường rào, cổng, sân vường trường THCS Ba Tô		850	765	85		580	
13	**Ba Liên**			**700**	**590**	**110**	-	**590**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến đường Ngã ba 1 đi thôn Đá Chát	200m	400	320	80		320	
		Sửa chữa Nhà văn hóa thôn Hương Chiên		300	270	30		270	
14	**Ba Tiêu**			**1.000**	**850**	**150**	-	**790**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến QL24 thôn Mang Biều (nối tiếp)	300m	500	450	50		390	
		Đ.thôn: Tuyến QL 24 - thôn Nước Tia (nối Tiếp)	350m	500	400	100		400	
15	**Ba Dinh**			**700**	**630**	**70**	-	**580**	xã 30a, 135

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Gò Lê		700	630	70		580	
16	**Ba Ngạc**			**1.000**	**900**	**100**	**-**	**580**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến từ nhà ông Thay đến nhà bà Nhung	800 m	1.000	900	100		580	
17	**Ba Điền**			**1.500**	**1.200**	**300**	**-**	**580**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: BTXM tuyến Làng Rêu đi Gò Vi	1000m	1.500	1.200	300		580	
18	**Ba Nam**			**1.250**	**1.125**	**125**	**-**	**790**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến UBND xã - Làng Vờ	600m	900	810	90		475	
		Sửa chữa Trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã Ba Nam		350	315	35		315	
19	**Ba Lế**			**1.500**	**1.200**	**300**	**-**	**790**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: BTXM tuyến đường thôn Vả Lếch	1000m	1.500	1.200	300		790	
IX	**H. MINH LONG**								
1	**Long Hiệp**			**800**	**640**	**160**	**493**	**147**	Đã công nhận đô thị Loại V
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.thôn: BTXM tuyến từ nhà ông Mạc Tịnh đến đồi 3 cụm	600m	800	640	160	493	147	
2	**Long Mai**			**1.993**	**1.794**	**199**	**1.132**	**662**	xã 30a, 135
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.xã: BTXM tuyến cầu Dư Hữu - Hố Chốt	1200m	1.993	1.794	199	1.132	662	
3	**Long Sơn**			**2.879**	**2.879**	**-**	**1.682**	**1.197**	xã 30a, 135, đạt chuẩn 2019
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		KCH kênh mương nội đồng Ruộng Côn - Ba Suối		1.494	1.494	-	550	944	
		Xây dựng mới trạm biến áp thôn Xà Tôn		1.385	1.385	-	1.132	253	
4	**Thanh An**			**1.000**	**900**	**100**	**-**	**600**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến GTNT Đồng Rinh	800m	1.000	900	100		600	
5	**Long Môn**			**2.600**	**2.340**	**260**	**1.415**	**925**	xã 30a, 135

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Đ.xã: BTXM tuyến Dốc 3 cây - Cà Xen	2000m	2.600	2.340	260	1.415	925	
X	H. SƠN HÀ								
1	Sơn Hạ			1.200	1.080	120	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến Đèo Gió - Xóm Ren		1.200	1.080	120		600	
2	Sơn Thành			1.600	1.440	160	-	800	xã 30a, 135, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến Xã Trạch - Làng Vẹt (nối tiếp)		1.600	1.440	160		800	
3	Sơn Nham			500	450	50	-	450	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH Kênh đập Xà Ruông		500	450	50		450	
4	Sơn Cao			1.100	990	110	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		KCH Kênh đập Vọt Đề		1.100	990	110		600	
5	Sơn Linh			1.000	900	100	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến ĐH72 - xóm Đồng A (GĐ1)		1.000	900	100		600	
6	Sơn Giang			650	585	65	-	585	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến ĐH73 đến nhà văn hóa thôn Đồng Giang		650	585	65		585	
7	Sơn Hải			1.000	900	100	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến UBND xã - Làng Trăng (GĐ1)		1.000	900	100		600	
8	Sơn Thủy			1.000	900	100	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến QL24 - Xóm ông Biêu (GĐ1)		1.000	900	100		600	
9	Sơn Kỳ			450	405	45	-	405	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến Nước Lác - Làng Bâm.		450	405	45		405	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
10	Sơn Ba			500	450	50	-	450	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến ĐT626 - Nhà ông Thi		500	450	50		450	
11	Sơn Thượng			1.000	900	100	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến Làng Vách - Làng Nưa (GĐ1)		1.000	900	100		600	
12	Sơn Bao			700	630	70	-	630	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Làng Chúc		700	630	70		630	
13	Sơn Trung			1.000	900	100	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến UBND xã - Làng Nà		1.000	900	100		600	
XI	H. SƠN TÂY								
1	Sơn Dung			2.705	2.505	200	1.415	1.039	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Nhà văn hóa thôn Đăk Trên		900	900	-	427	423	theo số nợ huyện báo cáo
		Nhà văn hóa thôn Ka Xim		805	805	-	348	456	
		Đ.thôn: BTXM tuyến ngã 3 ngoại vùng - xóm ông Đua	397,8 m	1.000	800	200	640	160	
2	Sơn Màu			800	720	80	-	720	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Tường rào, cổng ngõ Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Sơn Màu		800	720	80		720	
3	Sơn Lập			900	810	90	-	810	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Tường rào cổng ngõ Trường Tiểu học và THCS Sơn Lập	300 m	900	810	90		810	
4	Sơn Liên			800	720	80	-	720	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Đăk Doa		800	720	80		720	
5	Sơn Tinh			1.651	1.571	80	573	630	xã 30a, 135

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn A Xin		851	851	-	573	230	theo số nợ huyện báo cáo
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Ka Năng		800	720	80		400	
6	Sơn Long			1.420	1.278	142	-	800	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến UBND xã đi Măng Lăng	890m	1.420	1.278	142		800	
7	Sơn Mùa			900	810	90	-	810	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến TĐ 3 – TĐ 4 thôn Nước Min	666m	900	810	90		810	
8	Sơn Bua			850	765	85	-	765	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến UBND xã đi KDC Nước Toa, thôn Mang He (nối tiếp)		850	765	85		765	
9	Sơn Tân			800	720	80	-	720	xã 30a, 135, <5TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Tà Cây		800	720	80		720	
XII	H. TRÀ BỒNG								
1	Trà Phú			1.500	1.200	300	-	800	xã 30a, 135, đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến nhà Lữ Văn Sơn - cầu Bồng Bộc, thôn Phú Long		1.500	1.200	300		800	
2	Trà Bình			2.300	1.920	380	-	1.100	xã 30a, đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến Đầu Bầu đi Bến Đình		1.500	1.200	300		600	
		Nhà văn hóa thôn Bình Đông		800	720	80		500	
3	Trà Giang			1.200	1.080	120	-	600	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Trường mầm non Trà Giang (02 phòng)		1.200	1.080	120		600	
4	Trà Tân			1.400	1.120	280	-	600	xã 30a, 135

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến nội vùng TTCX Tân Bùi		1.400	1.120	280		600	
5	**Trà Bùi**			**1.500**	**1.350**	**150**	**-**	**600**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Trường Tiểu học thôn Tang		1.500	1.350	150		600	
6	**Trà Sơn**			**600**	**480**	**120**	**-**	**480**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: Tuyến từ TL 622B đến tổ 3,4,5 thôn Sơn Bàn 2		600	480	120		480	
7	**Trà Thủy**			**800**	**720**	**80**	**-**	**720**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn 3		800	720	80		720	
8	**Trà Lâm**			**800**	**720**	**80**	**-**	**720**	xã 30a, 135
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Trà Hoa		800	720	80		720	
9	**Trà Hiệp**			**1.600**	**1.600**	**-**	**1.132**	**468**	xã 30a, 135
		** Trả nợ công trình hoàn thành*							
		Nhà văn hóa xã Trà Hiệp		1.600	1.600	-	1.132	468	
XIII	**H. TÂY TRÀ**								
1	**Trà Khê**			**1.500**	**1.350**	**150**	**-**	**800**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: Tuyến tổ 3a - tổ 4, thôn Sơn (nối tiếp)	850m	1.500	1.350	150		800	
2	**Trà Phong**			**1.500**	**1.350**	**150**	**-**	**800**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến thôn Trà Reo - thôn Trà Na (GĐ2)	850m	1.500	1.350	150		800	
3	**Trà Thanh**			**900**	**810**	**90**	**-**	**810**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Gỗ		900	810	90		810	
4	**Trà Xinh**			**900**	**810**	**90**	**-**	**810**	xã 30a, 135, < 5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Trà Veo		900	810	90		810	

TT	HUYỆN, XÃ	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư *(triệu đ)*	*Trong đó:*		KH vốn NSTW và TPCP đã bố trí đến hết năm 2016 *(triệu.đ)*	KH vốn NSTW năm 2017 *(triệu.đ)*	Ghi chú
					Tổng vốn NSTW và TPCP	Vốn huyện, T.phố, xã, vốn khác			
5	**Trà Trung**			**1.500**	**1.350**	**150**	**-**	**800**	xã 30a, 135, <5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Tường rào, cổng ngõ, sân bê-tông trường THCS Trà Trung		1.500	1.350	150		800	
6	**Trà Nham**			**900**	**810**	**90**	**-**	**810**	xã 30a, 135, <5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Nhà văn hóa thôn Trà Long		900	810	90		810	
7	**Trà Lãnh**			**1.500**	**1.200**	**300**	**-**	**800**	xã 30a, 135, <5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.thôn: BTXM tuyến nhà Hồ Văn Tiến - nhà Hồ Văn Hưng, tổ 4, thôn Trà Linh (nối tiếp)	850m	1.500	1.200	300		800	
8	**Trà Thọ**			**1.000**	**900**	**100**	**-**	**800**	xã 30a, 135, <5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến UBND xã - tổ 2, thôn Tây	450m	1.000	900	100		800	
9	**Trà Quân**			**1.500**	**1.350**	**150**	**-**	**800**	xã 30a, 135, <5 TC
		** Công trình khởi công mới*							
		Đ.xã: BTXM tuyến từ Tổ 4 - Tổ 5, thôn Trà Xuông (GĐ2)	850m	1.500	1.350	150		800	
XIV	**H. LÝ SƠN**								
1	**An Hải**			**3.500**	**3.150**	**350**	**-**	**954**	BNVB, đạt chuẩn 2018
		** Công trình khởi công mới*							
		Phòng chức năng trường tiểu học An Hải		3.500	3.150	350		954	
2	**An Vĩnh**			**3.500**	**3.150**	**350**	**-**	**900**	BNVB, đạt chuẩn 2019
		** Công trình khởi công mới*							
		Phòng chức năng trường TH số 2 An Vĩnh		3.500	3.150	350		900	
3	**An Bình**			**2.000**	**1.800**	**200**	**-**	**600**	BNVB, đạt chuẩn 2020
		** Công trình khởi công mới*							
		Phòng học Trường tiểu học An Bình	4 phòng	2.000	1.800	200		600	

Ghi chú:

Tổng vốn NSTW kế hoạch năm 2017 là 138 tỷ đồng; trong đó, bố trí trả nợ các năm trước: 16.074 triệu đồng, bố các dự án khởi công mới 121.926 triệu đồng trên tổng mức đầu tư phần vốn NSTW các dự án khởi công mới là 178.953 triệu đồng (như vậy, tổng mức vốn NSTW còn chuyển tiếp sang năm 2018 là 57.027 triệu đồng)